

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Kiên Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị N, sinh năm: 1987 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh Ng, sinh năm: 1982 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Con chung* là cháu Nguyễn Thị Như H - sinh ngày 09-11-2008 (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Cùng địa chỉ: ấp NH, xã ĐP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng đề ngày 06-12-2022, nguyên đơn bà Lâm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh Ng đi đến hôn nhân do tự quen nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP vào ngày 06-9-2005. Không có nữ trang ngày cưới. Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông Ng không chăm lo làm ăn, mà thường xuyên rượu chè say xỉn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi mọi việc trong cuộc

sống hằng ngày, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Sau nhiều lần khuyên ngăn chồng không được, nên bà đã về ở bên nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với ông Ng từ năm 2009 cho đến nay mà không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên nay bà khởi kiện xin được ly hôn với ông Ng.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thanh Ng chỉ có một người con chung là Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 09-11-2008. Thời gian vợ chồng bà sống ly thân thì cháu H sống chung với bà. Nên khi ly hôn, bà xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định bà và ông Nguyễn Thanh Ng không có tài sản chung, không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của bà và ông Ng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xác định ngoài những giấy tờ đã nộp kèm đơn khởi kiện, thì bà không nộp thêm chứng cứ mới để Tòa án xem xét. Bà cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 23-5-2023, bị đơn ông Nguyễn Thanh Ng trình bày:

Ông và bà Lâm Thị N đi đến hôn nhân do tự quen nhau, cha mẹ hai bên chấp nhận, cưới năm 2005, không có vàng nữ trang cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những khó khăn về kinh tế dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Và bà N đã sống ly thân với ông từ năm 2009 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà N. Về con chung: Là cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 09-11-2008, hiện đang sống chung với bà N, sau khi ly hôn, ông đồng ý bà N tiếp tục nuôi con, chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Ông thống nhất xác định ông và bà N không có tài sản chung, không có nợ chung phải thu, phải trả. Ông thống nhất với các giấy tờ bà N đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho ông được biết. Riêng ông không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 07-4-2023, cháu Nguyễn Thị Như H trình bày: Cha mẹ cháu là Nguyễn Thanh Ng và Lâm Thị N. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ. Trường hợp cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của cháu là muốn được tiếp tục sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lâm Thị N, ông Nguyễn Thanh Ng cùng cháu Nguyễn Thị Như H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử

thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị N: Cho bà N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Ng. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 09-11-2008 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn sống chung với mẹ; Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N chưa yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung và về nợ chung: Bà N và ông Ng cùng xác định không có, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Lâm Thị N là nguyên đơn và ông Nguyễn Thanh Ng là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 22-6-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng bà N, ông Ng cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Lâm Thị N và ông Nguyễn Thanh Ng xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện C vào ngày 06-9-2005. Nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được đến năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến ông bà tự ý sống ly thân nhau từ năm 2009 cho đến hôm nay mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng bà N và ông Ng đã không thực hiện được các

nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án có thông báo mời hòa giải vào các ngày 07-4-2023, 02-6-2023 để bà N, ông Ng có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông Ng đều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được đối với ông bà.

[5] Vào năm 2016, bà N đã có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Ng, được Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 05-5-2016. Quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ thành, bà N tự nguyện rút đơn khởi kiện để tạo thêm cơ hội hàn gắn quan hệ hôn nhân với ông Ng và được Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 17-6-2016. Tuy nhiên, thời gian từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay đã 07 năm, nhưng việc hàn gắn giữa bà N với ông Ng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn, dẫn đến việc bà N tiếp tục khởi kiện ra Tòa yêu cầu ly hôn với ông Ng trong vụ án này.

[6] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà N, ông Ng đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho bà N được ly hôn với ông Ng.

[7] *Về con chung*: Bà Lâm Thị N và ông Nguyễn Thanh Ng thống nhất xác định chỉ có một người con chung tên Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 09-11-2008, hiện đang sống chung với bà N. Khi ly hôn, cả bà N và ông Ng đều thống nhất con chung ở với mẹ (là bà N) và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 07-4-2023, cháu H nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Do đó, cần xử giao cháu H cho bà N được quyền nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không tranh chấp.

[8] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng bà Lâm Thị N và ông Nguyễn Thanh Ng cùng thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về nợ chung*: Do bà Lâm Thị N và ông Nguyễn Thanh Ng cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lâm Thị N có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[11] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lâm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Ng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 09-11-2008 cho bà Lâm Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con là muốn được sống chung với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Lâm Thị N và ông Nguyễn Thanh Ng thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lâm Thị N và ông Nguyễn Thanh Ng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lâm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0013834 ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ĐP;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo